



VIMCERTS 210

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO HẢI DƯƠNG
47 Lê Duẩn - KĐT Ecoriver - phường Tân Hưng - thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Điện thoại: 0220.3838298 * Email: Phantichcongnghecao@gmail.com
MSDN: 0801185585



Số: 1421-KT01-02-03/2025.3339

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty TNHH Long Hải
Địa chỉ : Cụm công nghiệp 1, Phường Thạch Khôi, Thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Khí thải
Ngày quan trắc : 04/09/2025 - Ngày phân tích: 04/09/2025 - 18/09/2025
Tên mẫu/Vị trí quan trắc : KT01/Khí thải ống khói lò hơi số 1
: KT02/Khí thải ống khói lò hơi số 2
: KT03/Khí thải ống khói lò hơi số 3

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B - Cmax
				25.1421. KT.01	25.1421. KT.02	25.1421. KT.03	
1	Vận tốc	m/s	US EPA method 2	12,5	11	9,8	-
2	Hàm ẩm	%	US EPA method 4	6	5,5	4,5	-
3	Tiếng ồn (Leq) cạnh ống khói	dBA	TCVN 7878-2:2018	73,2	72,9	71,7	85 ⁽¹⁾
4	Nhiệt độ	°C	QTHT 43/CLC	122	114	136	-
5	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³		391,8	276,5	107,5	1.000
6	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³		177,5	201,9	96,2	500
7	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³		47,7	61,9	19,6	850
8	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	32	33	32	200
9	Tổng hydrocacbon (THC)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH(1,5)	KPH(1,5)	KPH(1,5)	-

Ghi chú:

- QCVN 19: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, áp dụng Cột B, Cmax: Kp=1, Kv=1,0;
- (1): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp;
- Tổng hydrocacbon (THC): Bao gồm các cấu tử theo năng lực của PTN;
- (-): Không quy định/không thực hiện.

Hải Phòng, ngày 26 tháng 09 năm 2025

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Hồng Thúy

Phạm Văn Hải

PHÓ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ VÀ
PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG CAO
HẢI DƯƠNG
TP. HẢI DƯƠNG - T. HẢI DƯƠNG
M.S.D.N: 0801185585

Lê Thị Thảo

Kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Lãnh đạo Công ty.
Kết quả này có giá trị cho mẫu thử. Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ mẫu vi sinh)
Hết thời gian lưu mẫu, chúng tôi không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng
Quy chuẩn (nếu có) được áp dụng theo yêu cầu của khách hàng



VIMCERTS 210



VILAS 1382

Số: 1421-NT01-02/2025.3340

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty TNHH Long Hải
Địa chỉ : Cụm công nghiệp 1, Phường Thạch Khôi, Thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Nước thải
Ngày quan trắc : 04/09/2025 - Ngày phân tích: 04/09/2025 - 25/09/2025
Tên mẫu/Vị trí quan trắc : NT01/ Nước thải trước xử lý lấy tại bể thu gom của hệ thống xử lý
: NT02/ Nước thải sau hệ thống xử lý lấy tại cửa xả cuối cùng trước khi xả ra
mương tiếp nhận

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 40:2011/ BTNMT
				25.1421. NT.01	25.1421. NT.02	Cột B
1	Lưu lượng ^(*)	m ³ / ngày.đêm	QTHT 47/CLC	300	300	-
2	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	30,7	28,2	40
3	pH	-	TCVN 6492:2011	4,3	6,2	5,5 ÷ 9
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	QTHT 12/CLC	274	942	-
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	54,8	28	100
6	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	2.861	28	150
7	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	1.552	12	50
8	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	7,8	<0,08	10
9	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	23,3	12	40
10	Tổng phospho	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	8,88	5,76	6
11	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,55	0,19	5
12	Asen (As)	mg/L	US EPA method 200.8	<0,003	0,006	0,1
13	Thủy ngân (Hg)	mg/L		KPH(0,0003)	KPH(0,0003)	0,01
14	Chì (Pb)	mg/L		KPH(0,004)	KPH(0,004)	0,5
15	Cadimi (Cd)	mg/L		KPH(0,001)	KPH(0,001)	0,1
16	Kẽm (Zn)	mg/L		0,887	<0,012	3
17	Mangan (Mn)	mg/L		0,023	<0,006	1
18	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	<1,0	KPH(0,3)	10
19	Tổng coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	21.000	KPH(2)	5.000

Kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Lãnh đạo Công ty.
Kết quả này có giá trị cho mẫu thử. Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ mẫu vi sinh)
Hết thời gian lưu mẫu, chúng tôi không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng
Quy chuẩn (nếu có) được áp dụng theo yêu cầu của khách hàng



VIMCERTS 210



VILAS 1382

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp, áp dụng Cột B;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp;
- Kết quả có dấu "<" là kết quả phân tích có giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (*): Thông số được cung cấp bởi Công ty TNHH Long Hải;
- (-): Không quy định/không thực hiện.

Hải Phòng, ngày 26 tháng 09 năm 2025

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Hồng Thúy

Phạm Văn Hải



PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Thị Thảo